

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo V10.24.11.2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của chuyển giao công nghệ

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ
Đổi mới công nghệ quốc gia.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 3. Địa vị pháp lý, chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (tên giao dịch quốc tế: National Technology Innovation Fund, viết tắt: NATIF, sau đây viết tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Quỹ có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công

nghệ quyết định.

3. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng:

a) Tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo gồm: nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay; nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher); chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia;

b) Hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo;

c) Tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt tạo được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).

2. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ trong quản lý, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo chức năng của Quỹ theo quy định của pháp luật và của Quỹ.

3. Quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn theo chức năng của Quỹ

1. Quỹ có các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp nhận và quản lý các nguồn lực tài chính:

a1) Tiếp nhận kinh phí từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

a2) Quản lý, sử dụng nguồn ngoài ngân sách nhà nước theo thỏa thuận với bên đóng góp (nếu có) và theo quy định tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, quy chế chi tiêu

nội bộ của Quỹ;

b) Triển khai hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ:

b1) Công bố định hướng ưu tiên, yêu cầu, nội dung và hướng dẫn đề xuất tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ;

b2) Tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, công bố kết quả;

b3) Thực hiện hỗ trợ, đặt hàng, tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí đối với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. Quỹ là cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

b4) Kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng chuyên môn và hiệu quả sử dụng kinh phí;

b5) Tạm dừng, đình chỉ hoặc chấm dứt tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ khi phát hiện vi phạm.

c) Thực hiện nhiệm vụ hành chính - tổ chức:

c1) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật;

c2) Quản lý, sử dụng tài sản và nguồn nhân lực theo quy định;

c3) Ban hành quy định nội bộ phục vụ hoạt động của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền;

c4) Hợp tác trong và ngoài nước về các hoạt động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

c5) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ có các quyền hạn sau:

a) Tổ chức triển khai các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động được giao trên cơ sở định hướng ưu tiên, quy định pháp luật và kế hoạch ngân sách được phê duyệt;

b) Được ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân khác để hỗ trợ hoạt động quản lý của Quỹ;

c) Có quyền điều chỉnh nội dung, dừng hoặc chấm dứt tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trong trường hợp phát hiện vi phạm hoặc không bảo đảm hiệu quả;

d) Được từ chối tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, vi phạm tiêu chí, điều kiện theo quy định;

đ) Thực hiện các hoạt động hợp tác, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo thỏa thuận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

e) Ban hành quy định nội bộ để quản lý và thực hiện các hoạt động theo chức năng của Quỹ;

g) Được thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Quỹ có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ quyết định thành lập Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là Hội đồng) để tư vấn hoạt động chuyên môn; tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm của Quỹ. Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực hoạt động của Quỹ. Hội đồng làm việc theo Quy chế do Giám đốc Quỹ ban hành.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ và chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Quỹ.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Quỹ tài trợ, đặt hàng

1. Tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo bao gồm: nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay; nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher):

a) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay; nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây

viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP);

b) Đối với các nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Quỹ áp dụng bổ sung quy định về đánh giá kết quả đầu ra thực hiện nhiệm vụ như sau:

Doanh nghiệp, tổ chức nhận kinh phí tài trợ để thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp báo cáo, thông tin về kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng tài trợ, theo yêu cầu của Quỹ và cơ quan quản lý có thẩm quyền;

Quỹ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và tổng hợp các thông tin, dữ liệu cập nhật về kết quả, hiệu quả triển khai thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, xây dựng chính sách, cơ chế tài trợ và các biện pháp khuyến khích phù hợp.

c) Đối với các nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay, ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Quỹ bổ sung mẫu thỏa thuận hợp tác thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay giữa Quỹ và tổ chức tín dụng theo Mẫu I Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.

2. Tài trợ, đặt hàng chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 8. Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo

Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 9. Nguồn tài chính của Quỹ

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ kế hoạch tài chính được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước kinh phí chi tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

b) Kinh phí cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt tạo được cấp có thẩm quyền giao;

c) Kinh phí chi quản lý của Quỹ được ngân sách nhà nước giao hằng năm cho Quỹ theo cơ chế khoán chỉ từ 05% đến 07% tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ được cấp trong năm để đảm bảo chi phí quản lý của Quỹ và tính theo phương pháp lũy tiến từng phần, cụ thể như sau:

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đến 3.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 07%;

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 3.000 tỷ đồng đến 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 06%;

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 05%.

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngoài kinh phí quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền giao;

đ) Kinh phí tại điểm a khoản 1 Điều này hằng năm của Quỹ được cấp tối đa không quá 03 lần. Kinh phí cấp lần đầu căn cứ vào số kinh phí do Quỹ đề xuất nhưng không quá 40% của tổng số kinh phí dự kiến theo kế hoạch năm và được giao trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm ngân sách. Các lần cấp kinh phí tiếp theo được xác định trên cơ sở đề xuất của Quỹ căn cứ vào tiến độ giải ngân kinh phí đã cấp. Thời điểm cấp kinh phí lần cuối trước ngày 01 tháng 9 hằng năm.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Quỹ:

a) Kinh phí chi quản lý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thu từ hoạt động hợp tác theo thỏa thuận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

b) Lãi tiền gửi, các khoản thu hợp pháp khác theo quy định;

c) Các nguồn hỗ trợ dưới hình thức hiện vật, tài sản, dịch vụ có giá trị hoặc nguồn tài chính chuyển vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng thương mại.

Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, hạch toán, sử dụng đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 10. Nội dung chi của Quỹ

1. Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định

này, nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, nội dung chi thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

3. Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay, nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher), nội dung chi thực hiện theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

5. Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

6. Hoạt động quản lý, điều hành, hoạt động khác của Quỹ, nội dung chi quy định tại các khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và khoản 19 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Lập dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động của Quỹ

1. Lập dự toán kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Việc xác định kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện như sau:

a) Năm thứ nhất chưa có số liệu quá khứ, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được xác định theo dự kiến của Quỹ;

b) Năm thứ hai có số liệu của 01 năm trước liền kề, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo số liệu thực tế của năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến của Quỹ;

c) Năm thứ ba có số liệu của 02 năm trước liền kề, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo bình quân số liệu của 02 năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến của Quỹ;

d) Từ năm thứ tư trở đi, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại điểm a3 khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được lập theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Việc lập dự toán kinh phí chi quản lý của Quỹ được thực hiện hằng năm trên cơ sở khối lượng hoạt động dự kiến và dự toán kinh phí dự kiến để thực hiện

nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

4. Việc lập dự toán đối với các nhiệm vụ, hoạt động thường xuyên khác, chi đầu tư phát triển của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Quỹ cấp kinh phí:

a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này, Quỹ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay, Quỹ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và quy định sau:

Định kỳ, trước tối thiểu 07 ngày so với ngày đến hạn trả nợ, tổ chức tín dụng gửi Quỹ thông báo tổng hợp thu nợ kèm theo danh sách chi tiết thu nợ theo từng dự án/phương án đầu tư, ghi rõ kinh phí hỗ trợ lãi suất thuộc trách nhiệm chi trả của Quỹ theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất. Căn cứ vào thông báo thu nợ hợp lệ, Quỹ thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất vào tài khoản chuyên dùng tối thiểu 01 ngày trước ngày đến hạn trả nợ. Sau khi thu được nợ từ doanh nghiệp, tổ chức tín dụng thông báo cho Quỹ kèm theo minh chứng về việc đã thu được nợ của doanh nghiệp. Quỹ thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất đến tổ chức tín dụng theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay.

c) Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher), Quỹ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

d) Hỗ trợ hoạt động thực hiện theo quy định tại điểm c5 khoản 1 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

3. Quyết toán kinh phí:

a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Quyết toán kinh phí nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay

Quyết toán kinh phí nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện định kỳ hàng năm vào cuối năm tài chính trên cơ sở tổng hợp kinh phí đã hỗ trợ lãi suất

vay trong năm tài chính. Đối với năm cuối của nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay, Quỹ thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay vào thời điểm kết thúc của nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay theo Hợp đồng.

Hồ sơ quyết toán bao gồm: Bảng tổng hợp chi tiết nghĩa vụ trả nợ với tổ chức tín dụng của doanh nghiệp; Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi suất từ tài khoản chuyên dùng của Quỹ tại tổ chức tín dụng; Các Hồ sơ đã cấp kinh phí, chứng từ và hồ sơ liên quan khác (nếu có).

c) Quyết toán kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ voucher:

Quyết toán kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ voucher được thực hiện cho từng nội dung của hợp đồng triển khai voucher, không phải quyết toán tổng thể hợp đồng. Biên bản quyết toán từng nội dung của hợp đồng triển khai voucher được ký kết tại thời điểm Quỹ thanh toán kinh phí cho đối tượng cung cấp voucher.

4. Quỹ có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ

Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Chế độ tài chính, kế toán, quy định tự chủ của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quỹ thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và các quy định tại Nghị định này.

3. Quỹ xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ.

Điều 15. Giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình

1. Giám sát nội bộ

a) Quỹ thiết lập hệ thống giám sát nội bộ để theo dõi việc tuân thủ quy định pháp luật, quy chế hoạt động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

b) Việc giám sát bao gồm cả giám sát định kỳ, đột xuất và hậu kiểm độc lập sau khi kết thúc nhiệm vụ. Kết quả giám sát được công khai theo quy định và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a) Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về hiệu quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ phân bổ nguồn lực và cải tiến quản trị;

c) Quỹ phối hợp với các tổ chức độc lập để thực hiện kiểm tra, đánh giá.

3. Trách nhiệm giải trình của Quỹ

Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về tài chính đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành của Quỹ.

4. Quản trị rủi ro thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Xử lý rủi ro về tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro

a) Đúng quy định pháp luật;

b) Có căn cứ rõ ràng, minh bạch;

c) Có hồ sơ xác minh, ý kiến chuyên gia độc lập (trong trường hợp cần thiết);

2. Các hình thức xử lý rủi ro bao gồm:

a) Miễn, giảm, giãn thời gian hoàn trả;

b) Khoanh nợ, xóa nợ (trong trường hợp phá sản);

c) Không phạt vi phạm, không tính lãi chậm nộp.

3. Các trường hợp rủi ro về tài chính bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra nhưng đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình, nội dung thực hiện;

b) Thiệt hại về tài sản, thiết bị, kinh phí do sự cố bất khả kháng;

c) Doanh nghiệp, tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc không còn tư cách pháp nhân hợp lệ.

4. Việc xử lý rủi ro không làm thay đổi trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, tổ chức sử dụng kinh phí.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Bãi bỏ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
4. Trường hợp Nghị định này chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước được sử dụng để chi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ quản lý, sử dụng nguồn vốn này để chi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chi quản lý của Quỹ trong năm 2025 và các năm tiếp theo theo dự toán được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Kinh phí chi quản lý của Quỹ từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ngân sách nhà nước đảm bảo theo dự toán được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Thù lao của Hội đồng quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến khi Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, khen thưởng, phúc lợi của Quỹ đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 được chuyển tiếp, quản lý và sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các dự án của Quỹ đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các văn bản

khác có liên quan: Gốc, lãi thu về hàng năm của các dự án được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước để thực hiện chức năng của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

3. Chuyển nguyên trạng toàn bộ viên chức, người lao động đang làm việc tại Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực sang Quỹ quy định tại Nghị định này, bảo đảm kế thừa quyền, nghĩa vụ, chế độ và các quyền lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND cấp tỉnh;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng chính sách Xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, cổng TTĐT, Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Mẫu số I Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN HỢP TÁC
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Giữa Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia
Và Ngân hàng ...

Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn Quyết định số 1342/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia ngày 05 /8 /2011;

Căn cứ Nghị định 268/2025/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngày 14 /10 /2025;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP về quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, ban hành ngày /12/2025.

Thỏa thuận hợp tác thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay (sau đây gọi tắt là “Thỏa thuận”) được ký ngày ... tháng ... năm 2025 giữa các bên gồm:

1. Bên A: Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Mã số thuế:

Đại diện bởi:

Chức vụ:

2. Bên B: Ngân hàng ...

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Đại diện bởi:

Chức vụ:

Văn bản ủy quyền (nếu có):

Theo đó, hai bên đồng ý ký kết Thỏa thuận này với các điều khoản sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi thỏa thuận

Thỏa thuận này quy định việc Bên A hợp tác với Bên B để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay theo quy định tại Nghị định 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo, ban hành ngày 14/10/2025 (sau đây viết tắt là Nghị định 268/2025/NĐ-CP); Nghị định số /2025/NĐ-CP về quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, ban hành ngày /12/2025. (sau đây viết tắt là Nghị định Quỹ).

Điều 2. Nguyên tắc thỏa thuận

- Hợp tác nhằm triển khai hiệu quả chính sách nhà nước về hỗ trợ lãi suất; đảm bảo việc ký kết và thực hiện Thỏa thuận tuân thủ tuyệt đối pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của mỗi Bên.

- Các bên hợp tác trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tự nguyện, bình đẳng, cùng nhau phát triển và đôi bên cùng có lợi.

Chương II

NỘI DUNG HỢP TÁC

Điều 3: Tuyên truyền, phổ biến chính sách

Hai Bên phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ lãi suất vay đối với doanh nghiệp thực hiện dự án, phương án đầu tư có nội dung ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, thông qua các hoạt động sau:

- Bên A hướng dẫn Bên B về nội dung hỗ trợ lãi suất vay, tiêu chí đối với nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay và thống nhất phối hợp giữa hai Bên, phù hợp với quy định của pháp luật để thực hiện.

- Bên B phối hợp với Bên A để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay theo quy định của Bên A.

- Bên B cử đại diện và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sự kiện, hội thảo tuyên truyền, phổ biến chính sách do Bên A tổ chức.

- Bên B chủ động tổ chức các sự kiện tuyên truyền, phổ biến chính sách tại mạng lưới của Bên B và mời Bên A tham dự nếu cần thiết.

- Các hoạt động khác (theo đề xuất của hai Bên)

Điều 4. Ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay

1. Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay được ký kết bởi Bên A, Bên B và Doanh nghiệp theo từng đề nghị hỗ trợ lãi suất vay của doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay của Bên A do Giám đốc thực hiện hoặc người được Giám đốc ủy quyền hợp pháp theo quy định hiện hành.

3. Thẩm quyền ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay của Bên B và doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với thẩm quyền đã ký hợp đồng tín dụng, nhằm bảo đảm tính thống nhất, hợp pháp của hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tín dụng liên quan và quy định của bên B, Doanh nghiệp.

Điều 5. Giải ngân kinh phí hỗ trợ lãi suất vay

1. Tài khoản chuyên dùng:

Bên A mở tài khoản chuyên dùng tại bên B phù hợp với quy định của bên B để thực hiện hỗ trợ lãi suất vay.

Tài khoản chuyên dùng này không phát sinh bất kỳ khoản lãi tiền gửi.

2. Bên B thống nhất một ngày thu nợ trên toàn hệ thống đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất từ Bên A.

Ngày thu nợ: ... *(Ghi rõ phù hợp với quy định của từng Ngân hàng)*

3. Giải ngân

a) Thông báo thu nợ: Định kỳ, trước tối thiểu 07 (bảy) ngày so với ngày đến hạn trả nợ, Bên B gửi thông báo tổng hợp thu nợ kèm theo danh sách chi tiết thu nợ theo từng dự án/phương án đầu tư, ghi rõ kinh phí hỗ trợ lãi suất thuộc trách nhiệm chi trả của bên A theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất để gửi cho Bên A;

b) Căn cứ vào thông báo thu nợ hợp lệ, Bên A thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất vào tài khoản chuyên dùng trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 01 (một) ngày;

c) Thu nợ và xác nhận: Sau khi thu được nợ từ doanh nghiệp, Bên B thông báo cho bên A kèm theo minh chứng về việc đã thu được nợ của doanh nghiệp;

d) Chuyển kinh phí giải ngân: Bên A thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất đến Bên B theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay.

4) Các trường hợp dừng hỗ trợ lãi suất vay, phạt đối với vi phạm cam kết hỗ trợ lãi suất vay

a) Việc hỗ trợ lãi suất vay bị dừng trong thời gian khoản vay của doanh nghiệp để thực hiện dự án, phương án đầu tư bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc phát sinh nợ gốc quá hạn tại bên B. Trong thời gian này doanh nghiệp không được hưởng hỗ trợ lãi suất vay;

b) Doanh nghiệp chỉ được tiếp tục nhận hỗ trợ lãi suất vay cho các kỳ trả lãi tiếp theo sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc hoặc số nợ gốc phát sinh quá hạn đối với bên B;

c) Thời gian tạm dừng hỗ trợ lãi suất vay quy định tại điểm a khoản 4 Điều này được tính trong tổng thời gian hỗ trợ lãi suất theo cam kết tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay.

d) Các trường hợp phạt đối với vi phạm cam kết hỗ trợ lãi suất vay theo quy định tại Điều 6 Thỏa thuận này.

Điều 6. Quản lý tình hình sử dụng vốn vay

1. Bên B thực hiện giải ngân, theo dõi và kiểm soát tình hình sử dụng vốn vay của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về tín dụng; thông báo kịp thời cho Bên A việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích và phối hợp với Bên A để xử lý theo quy định tại Nghị định 268/2025/NĐ-CP, Nghị định Quỹ.

2. Hoạt động giám sát, xử lý rủi ro, xử lý vi phạm và quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo quy định tại Nghị định 265/2025/NĐ-CP, Nghị định 268/2025/NĐ-CP, Nghị định Quỹ và hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ các bên

1. Quyền của Bên A

- Giới thiệu doanh nghiệp cho Bên B. Việc giới thiệu không dẫn đến trách nhiệm liên đới tới rủi ro của khoản vay sau này (nếu có);
- Được cung cấp hồ sơ thẩm định tín dụng liên quan đến việc thẩm định và ra quyết định cấp tín dụng của Bên B đối với doanh nghiệp;
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại Điều 6 Thỏa thuận này;
- Yêu cầu Bên B phối hợp tạm dừng, ngừng, đình chỉ việc hỗ trợ lãi suất vay nếu phát hiện doanh nghiệp hoặc Bên B vi phạm các quy định tại Thỏa thuận này và hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay;
- Khởi kiện việc vi phạm hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay theo quy định pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ lãi suất vay và các chính sách hỗ trợ khác để Bên B tuyên truyền, phổ biến tới khách hàng của Bên B;
- Thực hiện các nội dung về đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay theo quy định tại Nghị định 268/NĐ-CP, Nghị định Quỹ;
- Ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, giải ngân hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thỏa thuận và hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay;
- Chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vào tài khoản chuyên dùng tại Bên B theo kỳ hạn trả nợ lãi suất đã được cam kết giữa Bên B và doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thỏa thuận này;
- Thông báo cho Bên B lý do không giải ngân hỗ trợ lãi suất;
- Tuân thủ việc xử lý vi phạm theo quy định.

3. Quyền của Bên B

- Tham gia, tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ lãi suất vay của Bên A;
- Lựa chọn, tiếp nhận, từ chối khách hàng do Bên A giới thiệu;
- Nhận tiền giải ngân hỗ trợ lãi suất vay của bên A hỗ trợ cho doanh nghiệp vay vốn tại bên B;

- Khởi kiện việc vi phạm Thỏa thuận này, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay theo quy định của pháp luật;
- Chủ động đình chỉ, ngừng hoặc tạm dừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối với khoản vay của doanh nghiệp theo quy định;
- Phối hợp với Bên A triển khai các hình thức hỗ trợ tài chính khác (nếu có);
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của Bên B

- Hướng dẫn doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ lãi suất vay theo quy định của Bên A;
- Thẩm định cấp tín dụng, giải ngân cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Bên B;
- Ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, giải ngân hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thỏa thuận và hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay;
- Định kỳ, gửi bên A thông báo thu nợ chi tiết cho từng khoản vay theo hợp đồng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thỏa thuận này;
- Thông báo kịp thời cho Bên A trong trường hợp thay đổi lịch trả nợ của doanh nghiệp;
- Theo dõi và kiểm soát tình hình sử dụng vốn vay của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về tín dụng; Thông báo kịp thời cho Bên A việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích và phối hợp để xử lý chấm dứt hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay;
- Phối hợp với Bên A trong việc giám sát khoản vay theo quy định;
- Hỗ trợ Bên A trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định triển khai hỗ trợ lãi suất vay;
- Phối hợp thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định của bên A;
- Chịu trách nhiệm rủi ro về quyết định cho vay;
- Tuân thủ việc xử lý vi phạm theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản chung

1. Thông báo

Mọi thông báo, thư tín giao dịch giữa hai bên được xem là hợp lệ khi lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền đại diện hợp pháp của hai bên (trừ khi hai bên có thỏa thuận chữ ký số theo quy định pháp luật);

Nếu thông báo, thư từ được chuyển bằng Fax, telex, email thì được coi là thông báo trước để chuẩn bị, sau đó phải gửi bằng văn bản chính thức;

Mọi thông báo được gửi theo địa chỉ trong Thỏa thuận này.

2. Sửa đổi, chấm dứt thỏa thuận

Thỏa thuận này có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hiệu lực khi có sự thống nhất giữa Bên A và Bên B.

Trường hợp chấm dứt Thỏa thuận, các bên sẽ ký văn bản chấm dứt Thỏa thuận.

Trường hợp Nghị định 268/2025/NĐ-CP, Nghị định Quỹ và các văn bản quy định của pháp luật được tham chiếu tới Thỏa thuận này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung liên quan tại Thỏa thuận này thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Nếu cần thiết, Bên A và Bên B xem xét thống nhất ký Phụ lục thỏa thuận.

3. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp trong quá trình thực hiện Thỏa thuận này cần được giải quyết trên cơ sở thương lượng, bình đẳng giữa hai bên. Trường hợp không tự giải quyết được bằng thương lượng, hai bên có thể đưa vụ việc ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để xử lý. Luật áp dụng là Pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở các điều khoản Thỏa thuận, Bên B quy định chi tiết để triển khai đồng bộ và thống nhất trên toàn hệ thống.

2. Hai bên thường xuyên thông tin cho nhau các nội dung liên quan đến các thỏa thuận tại Thỏa thuận hợp tác này. Trường hợp cần thiết, hai bên tổ chức họp, đánh giá những công việc đã triển khai và kế hoạch thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thỏa thuận sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký kết cho đến khi hai bên ký văn bản chấm dứt Thỏa thuận.

2. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Thỏa thuận này là một bộ phận không thể tách rời và có giá trị theo Thỏa thuận.

Thỏa thuận được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản gốc.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)